TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 4
PHIẾU SỐ 31

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Giá trị của chữ số 7 trong số 10 671 412 là:

A. 70 000 **B.** 7 **C.** 700 000 **D.** 7000

Câu 2. Số chẵn bé nhất có 5 chữ số khác nhau là:

A. 10 000 **B.** 10 233 **C.** 10 234 **D.** 10 236

Câu 3. Hình chữ nhật có chu vi 90 cm, chiều dài hơn chiều rộng 17 cm. Chiều dài hình chữ nhật là:

A. 31 cm **B.** 33 cm **C.** 14 cm **D.** 53 cm

Câu 4. Tính bằng cách thuận tiện: 5551 + 1970 + 3030 = ……

A. 10 561 **B.** 10 451 **C.** 10 551 **D.** 11 551

Câu 5. 4 thế kỉ = …… năm

A. 410 **B.** 40 **C.** 400 **D.** 4000

Câu 6. Hình bình hành ABCD có AB = 9 cm, BC = 13 cm. Chu vi hình bình hành là:

A. 36 cm **B.** 117 cm **C.** 44 cm **D.** 22 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho dãy số: 15, 22, 29, 36, ……, 169. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Dãy có …… số

b) Số thứ 10 của dãy là: ……

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 4 triệu, 8 chục nghìn, 6 trăm và 5 đơn vị viết là: ……

b) Số «sáu mươi ba triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn một trăm tám mươi mốt» viết là: ……

c) Làm tròn số 2 862 502 đến hàng trăm nghìn được: ……

Bài 3. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 8201 + 610 + 390 = ……

b) 5602 + 3797 − 602 = ……

c) 175 + 3348 + 25 = ……

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5 tấn 66 kg = ……. kg

b) 8 tạ = ……. yến

c) 2 m^2 47 dm^2 = ……. dm^2

d) 5 phút 20 giây = ……. giây

Bài 5. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Số 6 343 927 là số chẵn	
b) Số 8 116 147 là số lẻ	
c) 1 tấn = 100 kg	
d) 1 phút = 100 giây	

Bài 6. Khôi mua 4 hộp bút màu, mỗi hộp giá 15 000 đồng và 4 quyển vở, mỗi quyển giá 5000 đồng. Khôi đưa cô bán hàng tờ 100 000 đồng. Hỏi cô bán hàng trả lại Khôi bao nhiêu tiền?

a) Tiền mua bút màu: ……. đồng

b) Tiền mua vở: ……. đồng

c) Tiền trả lại: ……. đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 4 · Phiếu số 31

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	C	A	C	C	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) $(169 - 15) : 7 + 1 = 23$ (số)

b) $15 + (10 - 1) \times 7 = 78$

Bài 2.

a) 4 080 605

b) 63 693 181

c) Chữ số hàng chục nghìn là 6 nên được 2 900 000

Bài 3.

a) $8201 + (610 + 390) = 8201 + 1\,000 = 9201$

b) $(5602 - 602) + 3797 = 5000 + 3797 = 8797$

c) $(175 + 25) + 3348 = 200 + 3348 = 3548$

Bài 4.

a) $5000 + 66 = 5066$

b) 1 tạ = 10 yến: 80

c) $200 + 47 = 247$

d) $5 \times 60 + 20 = 320$

Bài 5.

a) S; b) Đ; c) S; d) S

Bài 6.

Bút màu: $15\,000 \times 4 = 60\,000$ (đồng)

Vở: $5000 \times 4 = 20\,000$ (đồng)

Trả lại: $100\,000 - 80\,000 = 20\,000$ (đồng)